TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm.
Ông Nguyễn Đức Kha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*:* Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐ-ST ngày 16/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 19/11/1996 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang ở: thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn*:* Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/01/1995 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.
Địa chỉ cuối cùng của anh T tại Việt Nam: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân

xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu và chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, sau hơn một năm chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Khoảng tháng 10/2019 anh T đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu khi sang anh, chị vẫn gọi điện hỏi thăm nhau nhưng sau đó một thời gian do mâu thuẫn nên không còn gọi điện hỏi thăm nhau nữa. Tháng 5/2021 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã S, thành phố B sinh sống. Kể từ khi chuyển về nhà bố mẹ đẻ đến nay chị và anh T không còn liên lạc gì với nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/11/2016 và cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 17/01/2019, hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 05/6/2023 và 16/6/2023, ông Nguyễn Văn Q là bố đẻ anh Nguyễn Văn T cho biết.

Về hôn nhân của anh T, chị H ông cho biết: anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà ông làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Năm 2019 anh T đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan một thời gian thì anh T, chị H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H nói là do bất đồng quan điểm sống. Ông có khuyên bảo anh, chị về ở với nhau để chăm sóc con nhưng không được.

Về con chung: anh T, chị H con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/11/2016 và cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 17/01/2019. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị H.

Ngoài ra ông cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan anh T sinh sống cùng gia đình tại thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Ông đã thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị H và anh T thì anh T cho biết: anh đồng ý ly hôn với chị H và giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng anh không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng

văn bản cho Tòa án được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị H; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Nguyễn Văn T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Do anh T hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/11/2016 và cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 17/01/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 13070/QLXNC-P5 ngày 30/5/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/01/1995 đã xuất cảnh ngày 02/10/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh T được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Nguyễn Văn Q (bố đẻ anh T) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh T ở Việt Nam là: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh T thông qua gia đình và đề nghị gia đình anh T thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T. Ông Q cho biết anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H, anh T chung sống hòa thuận nhưng sau năm 2019 anh Tuyền đi lao động tại Đài Loan một thời gian

thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn trầm trọng nên tháng 5/2021 chị H cùng con chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Kể từ đó đến nay anh T, chị H không còn liên lạc, quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Mặc dù trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã chủ động nói chuyện để hàn gắn tình cảm, hai bên gia đình biết chuyện cũng khuyên bảo nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/11/2016 và cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 17/01/2019. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị H và do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh T đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác, từ khi con chung sinh ra đến nay vẫn do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, con chung phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 271và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/11/2016 và cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 17/01/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005367 ngày 19/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc